

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN VI

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính**

**Mã số : 9.38.01.02**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2018**

Công trình đã được hoàn thành tại:  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Công Giao

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Văn Long

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Mai Thanh

Phản biện 3: PGS.TS. Vũ Trọng Hách

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp học viện, tổ chức tại Học viện Khoa học xã hội  
Vào lúc phút, Ngày Tháng Năm 201

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Khoa học xã hội.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nước pháp quyền, hiểu theo nghĩa chung nhất, là một cách thức tổ chức nhà nước đặc biệt mà ở đó có sự ngự trị cao nhất của pháp luật, mọi cơ quan nhà nước, mọi tổ chức chính trị xã hội và mọi người dân đều phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật. Muốn xây dựng nhà nước pháp quyền thì bên cạnh điều kiện cần là ban hành một hệ thống pháp luật đầy đủ, phù hợp với điều kiện thực tế của quốc gia, còn phải có điều kiện đủ là đưa hệ thống pháp luật vào cuộc sống, làm cho mọi thành viên của xã hội đều hiểu biết pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Giáo dục pháp luật (GDPL) nhằm nâng cao tri thức pháp luật, xây dựng lối sống theo pháp luật cho nhân dân có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế hiện nay.

Ở nước ta, Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) là đội quân vũ trang cách mạng tin cậy của Đảng, của Nhà nước và của Nhân dân. Hiến pháp năm 2013, tại Điều 65, đã bổ sung một số nhiệm vụ mới của Quân đội: bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; cùng toàn dân xây dựng đất nước và *thực hiện nghĩa vụ quốc tế*. Lời thề Thứ Năm trong 10 lời thề danh dự của quân nhân trong QĐNDVN cũng ghi rõ nhiệm vụ của Quân đội là làm tròn nghĩa vụ quốc tế, gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện mọi đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước.

Bối cảnh nêu trên cho thấy việc nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng, tìm ra nguyên nhân và giải pháp tăng cường GDPL trong QĐNDVN hiện nay là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài: ***“Giáo dục pháp luật trong***

*Quân đội nhân dân Việt Nam*” với mong muốn góp phần lấp khoảng trống nghiên cứu về vấn đề quan trọng này.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận án là góp phần xây dựng, hoàn thiện cơ sở lý luận khoa học và đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường GDPL trong QĐNDVN phù hợp với bối cảnh Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nước ta.

#### *2.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được các mục đích đặt ra, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Khảo sát các vấn đề lý luận về GDPL trong QĐNDVN. Phân tích, đánh giá tính phù hợp của các lý thuyết, quan điểm về GDPL trong QĐNDVN trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nước ta.

- Phân tích khuôn khổ chính sách, pháp luật hiện hành về GDPL trong QĐNDVN và đánh giá tính phù hợp của nó trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế, cũng như trong việc thực hiện nhiệm vụ mới của Quân đội theo Hiến pháp 2013.

- Phân tích thực trạng hoạt động GDPL trong QĐNDVN, đánh giá những kết quả và chỉ ra những hạn chế, đồng thời xác định những nguyên nhân dẫn đến những kết quả, hạn chế của hoạt động GDPL trong QĐNDVN hiện nay.

- Nhận diện những yêu cầu cấp thiết đang đặt ra đối với GDPL trong QĐNDVN hiện nay. Đề xuất và luận giải tính khoa học, khả thi của các quan điểm, giải pháp tăng cường GDPL trong QĐNDVN trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn của hoạt động GDPL cho cán bộ, chiến sĩ (CBCS) trong QĐNDVN.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về mặt nội dung, luận án chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn của hoạt động GDPL trong QĐNDVN. Việc đề cập đến hoạt động GDPL nói chung và GDPL trong quân đội một số nước nói riêng chỉ để làm nền tảng cho việc phân tích hoạt động GDPL trong QĐNDVN.

- Về mặt không gian, luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn của hoạt động GDPL trong QĐNDVN. Những phân tích về hoạt động GDPL ở các nước khác chỉ mang tính khái quát, nhằm mục đích so sánh, tham chiếu.

- Về mặt thời gian, luận án chỉ khảo sát, đánh giá hoạt động GDPL trong QĐNDVN trong khoảng hơn 10 năm gần đây, cụ thể là từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX ban hành Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân, đặc biệt là khoảng thời gian từ năm 2011 đến nay, kể từ khi Bộ Quốc phòng ban hành Chỉ thị số 04/2011/CT-BQP ngày 20/01/2011 về việc triển khai thực hiện” Ngày pháp luật” hàng tháng trong Quân đội.

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Phương pháp luận**

Luận án vận dụng phương pháp luận biện chứng duy vật của Triết học Mác- Lênin và một số lý thuyết, quan điểm khoa học được thừa nhận

rộng rãi trên thế giới có liên quan đến GDPL để làm cơ sở phân tích, nghiên cứu về GDPL trong QĐNDVN.

#### ***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã kết hợp áp dụng các phương pháp nghiên cứu của một số ngành khoa học xã hội, bao gồm luật học, triết học, giáo dục học và xã hội học. Các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, điều tra xã hội học được sử dụng trong luận án để đánh giá làm sáng tỏ các quy định của pháp luật hiện hành dưới góc độ giáo dục học và khoa học quản lý nhà nước.

Liên quan đến phương pháp khảo sát xã hội học, do đặc thù của hoạt động quân sự rất đa dạng và rộng lớn, nên trong khuôn khổ thời gian thực hiện luận án, việc khảo sát được thực hiện với 2 nhóm đối tượng cơ bản: Nhóm 1, nhóm cán bộ, gồm: sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp; Nhóm 2, nhóm chiến sĩ, gồm: Học viên, chiến sĩ, công nhân viên ở 8 đơn vị điển hình: Một đơn vị chủ lực - Sư đoàn 309 Quân đoàn 4; một đơn vị địa phương - Lữ đoàn 77 thuộc Quân khu 7; một đơn vị sự nghiệp - Bệnh viện Quân y 175; một đơn vị làm kinh tế - Liên hiệp xí nghiệp Z751; một trường quân sự đào tạo bậc đại học - Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự (Đại học Trần Đại Nghĩa); một trường quân sự đào tạo bậc cao đẳng - Trường Cao đẳng Công nghệ và Kỹ thuật Ô tô (Sơn Tây, Hà Nội); một trường quân sự đào tạo bậc trung cấp - Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí (Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc); một trường đào tạo nghề - Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung (Nha Trang, Khánh Hòa). Trong 8 đơn vị chọn mẫu, tác giả lấy phiếu khảo sát trực tiếp từ 25 cán bộ và 75 chiến sĩ, mỗi đơn vị 100 phiếu, tổng số phiếu khảo sát là 800.

## **5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên ở trình độ tiến sĩ về vấn đề GDPL trong QĐNDVN, vì vậy có những đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

- Cung cấp một cái nhìn tổng quát, có hệ thống về cơ sở lý luận của GDPL trong QĐNDVN. Luận án khẳng định rằng bên cạnh việc áp dụng những nguyên tắc của GDPL nói chung, để đạt được mục đích và hiệu quả, GDPL trong QĐNDVN đòi hỏi phải có cách tiếp cận đặc thù liên quan đến cả chủ thể, đối tượng nội dung, phương pháp, phương tiện, mục tiêu và kết quả của hoạt động này.

- Đánh giá một cách toàn diện tính hợp lý của chính sách, pháp luật hiện hành và thực tiễn tổ chức hoạt động GDPL trong QĐNDVN so với những yêu cầu đang đặt ra từ việc xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế ở nước ta. Luận án khẳng định rằng, mặc dù đã có cách tiếp cận đúng và bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, song khung khổ pháp luật và thực tiễn tổ chức hoạt động GDPL trong QĐNDVN hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu đặt ra từ việc xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế ở nước ta.

- Nhận diện những yêu cầu và đề xuất các quan điểm, giải pháp phát huy những thành tựu, khắc phục những hạn chế để tăng cường hoạt động GDPL trong QĐNDVN trong thời gian tới. Luận án khẳng định, để tăng cường hoạt động GDPL trong QĐNDVN trước hết cần củng cố nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động này trong bối cảnh mới, đồng thời cần sửa đổi toàn diện khung pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm cả các quy định về nội dung, hình thức, phương pháp và chủ thể của GDPL dựa trên những yếu tố đặc thù của môi trường quân đội.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án**

Ý nghĩa lý luận của luận án thể hiện ở 3 khía cạnh sau đây:

*Thứ nhất*, cho phép nhìn nhận rõ hơn cơ sở khoa học của hoạt động GDPL trong QĐNDVN qua việc hệ thống hóa và phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận về GDPL trong QĐNDVN.

*Thứ hai*, cho phép đánh giá rõ ràng, xác thực hơn về GDPL trong QĐNDVN thông qua việc kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu của liên ngành luật học, triết học, xã hội học, giáo dục học... để phân tích khuôn khổ chính sách, pháp luật và cách thức tổ chức hoạt động GDPL trong QĐNDVN hiện nay.

*Thứ ba*, bổ sung, củng cố phương pháp luận của ngành luật hiến pháp - hành chính trong nghiên cứu về GDPL thông qua việc gắn những phân tích về thực trạng và những quan điểm, giải pháp tăng cường hoạt động GDPL trong QĐNDVN với các yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án**

Ý nghĩa thực tiễn của luận án thể hiện ở hai điểm sau đây:

*Thứ nhất*, luận án là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích với các cơ quan nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật về GDPL.

*Thứ hai*, luận án là nguồn tư liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu trong các cơ sở học thuật và các tổ chức quan tâm đến GDPL.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, phần phụ lục, Luận án được kết cấu thành bốn chương:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;



- Chương 2: Những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Chương 3: Thực trạng giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Chương 4: Quan điểm, giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong khoảng hai thập kỷ gần đây, vấn đề GDPL đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều cơ quan, tổ chức và nhiều nhà khoa học. Hiện tại đã có một số đề tài nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau và nhiều sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận án, luận văn về GDPL và GDPL trong QĐNDVN. Trong chương này, tác giả tổng kê các công trình nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài về GDPL nói chung và GDPL trong QĐNDVN nói riêng theo tiến trình thời gian như sau:

#### **1.1. Các công trình nghiên cứu ở trong nước**

Căn cứ vào nội dung, có thể chia các công trình nghiên cứu về GDPL đã công bố ở nước ta thành 3 nhóm vấn đề: 1) Nhóm công trình đề cập đến các vấn đề lý luận của GDPL; 2) Nhóm công trình đề cập đến GDPL cho những đối tượng cụ thể hoặc ở một khu vực, địa bàn nhất định; 3) Nhóm công trình đề cập đến GDPL trong QĐNDVN.

#### **1.2. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài**

Nội dung những công trình nghiên cứu ở nước ngoài bao gồm cách thức giáo dục pháp luật trong quân đội của một số nước như Anh, Ôxtralia, Mỹ, Nga, Trung Quốc. Mỗi nhà nước khác nhau có cách thức đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ pháp lý quân sự khác nhau. Nhìn chung, các nước này

thường sử dụng đội ngũ luật sư quân sự (military lawyer) do quân đội đào tạo để tư vấn pháp lý cho chỉ huy các đơn vị quân đội, trợ giúp pháp lý cho quân nhân và gia đình họ khi có vấn đề pháp lý phát sinh. Ở Mỹ, hiện nay cứ 800 nhân viên quân sự thì có một luật sư quân sự, ở Nga con số này là 1000. Ngoài ra, những vấn đề mới trong giáo dục pháp luật của các nước cũng có ý nghĩa tham khảo rất lớn: vấn đề giáo dục pháp luật cho mọi người và giáo dục pháp luật trong kỷ nguyên số, phương pháp GDPL thông qua tình huống pháp luật, thông qua đàm thoại hay đóng vai ở Mỹ. Phương pháp kiểm tra đánh giá bằng cách cho điểm theo thang bậc A, B, C, D hay đạt hoặc không đạt cũng là một giải pháp hay có thể vận dụng trong QĐNDVN.

### **1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục làm rõ**

Xét tổng quát, các công trình nghiên cứu hiện nay ở trong nước và ở nước ngoài đã bàn luận khá kỹ về vấn đề giáo dục pháp luật nói chung. Vấn đề giáo dục pháp luật trong quân đội các nước mang tính chuyên nghiệp và khác xa với cách thức mà Quân đội ta đang làm. Hoạt động giáo dục pháp luật trong quân đội các nước do đội ngũ luật sư quân sự được đào tạo bài bản, chuyên sâu thực hiện. Mặc dù đã có một số công trình trong nước nghiên cứu về GDPL trong QĐNDVN, nhưng các công trình này mới chỉ đề cập đến thực trạng và giải pháp tăng cường GDPL của một số đơn vị quân đội. Luận án mà tác giả nghiên cứu sẽ đi sâu phân tích những đặc thù của GDPL trong toàn quân, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và đề ra giải pháp cho việc tăng cường GDPL trong QĐNDVN. Trong đó, đề tài sẽ đưa ra những nội dung, cách tiếp cận mới mà trong giới hạn về thời gian, các tác giả khác chưa làm được vì chưa có Luật Phổ biến, GDPL năm 2012, Hiến pháp năm 2013 và các văn bản chuyên sâu của Bộ Quốc phòng về GDPL như: Chỉ thị số 04/CT-BQP ngày 20/01/2011 của Bộ trưởng Bộ

Quốc phòng về việc triển khai thực hiện “Ngày pháp luật” trong Quân đội và Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30/3/2016 quy định về phổ biến, GDPL trong Bộ Quốc phòng.

### **Kết luận chương 1**

Trong thời gian qua, GDPL trong QĐNDVN đã bước đầu được nghiên cứu ở nước ta và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Những công trình nghiên cứu công bố về vấn đề này đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của GDPL trong QĐNDVN. Tuy nhiên, so với các công trình nghiên cứu về GDPL nói chung, số lượng các công trình nghiên cứu về GDPL trong QĐNDVN ở nước ta còn rất ít. Các công trình nghiên cứu về GDPL trong QĐNDVN đã công bố chủ yếu ở cấp độ và trên quy mô nhỏ, vì thế mới chỉ đề cập đến một số vấn đề và lý giải một cách tổng quát nội dung. Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật trong quân đội các nước chưa nhiều. Tuy nhiên, phương pháp đào tạo và sử dụng đội ngũ luật sư quân sự ở các nước mà NCS nghiên cứu là rất chuyên nghiệp và bài bản. Các luật sư quân sự không chỉ làm nhiệm vụ tư vấn pháp lý cho chỉ huy các cấp, tham gia tố tụng tại tòa án mà còn là các chuyên gia trong tư vấn, giáo dục pháp luật cho đội ngũ sĩ quan, binh sĩ trong quân đội.

Từ việc khảo sát tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, có thể thấy còn rất nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mà luận án cần làm rõ, trong đó đặc biệt xoay quanh tính đặc thù của hoạt động GDPL trong quân đội và thực tiễn hoạt động GDPL trong QĐNDVN. Đây là những nội dung chưa được các tác giả khác chú ý, vì thế sẽ là hướng nghiên cứu chính của luận án này. Thông qua việc làm rõ những đặc thù của hoạt động GDPL trong quân đội, luận án sẽ phân tích, đánh giá thực trạng GDPL trong QĐNDVN và đề xuất những giải pháp tăng cường hoạt động quan trọng này của Quân đội trong thời gian tới.

## Chương 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Những vấn đề lý luận về GDPL nói chung đã được các đề tài nghiên cứu khoa học, các luận án, luận văn ở trong nước bàn luận khá kỹ. Bởi vậy, trong chương này, tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề: Khái niệm và đặc trưng; các thành tố của GDPL; sự cần thiết và vai trò của GDPL trong QĐNDVN; những yếu tố ảnh hưởng đến GDPL và tham khảo kinh nghiệm GDPL của quân đội một số nước trên thế giới.

#### **2.1. Khái niệm và đặc điểm của giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

##### **2.1.1. Khái niệm**

*Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam là hoạt động có mục đích của các đơn vị quân đội nhằm cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm và hành vi pháp luật chuẩn mực cho cán bộ, chiến sĩ thông qua những hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục nhất định.*

##### **2.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

So với các môi trường dân sự khác, hoạt động GDPL trong QĐNDVN có các đặc điểm nổi bật như sau:

- GDPL trong QĐNDVN diễn ra trong một môi trường đặc thù. Đó là môi trường quân sự với những hoạt động căng thẳng, khó khăn, gian khổ và kỷ luật thống nhất, chặt chẽ, nghiêm minh.

- Chủ thể GDPL trong QĐNDVN là các cán bộ quân đội có ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao.

- Đối tượng của GDPL trong QĐNDVN là các cán bộ, chiến sĩ đã được tuyển chọn kỹ càng, có ý thức kỷ luật nghiêm minh.

- Nội dung GDPL trong QĐNDVN chú trọng những quy định pháp luật về quốc phòng, an ninh và luật quốc tế.
- Hình thức, phương pháp, GDPL trong QĐNDVN đa dạng, phong phú.

## 2.2. Các yếu tố cấu thành

**Bảng 1.1: Sơ đồ các thành tố của GDPL trong QĐNDVN**



Với quan niệm về GDPL theo nghĩa hẹp như trên, có thể xác định các thành tố cơ bản của GDPL trong QĐNDVN bao gồm 4 cặp phạm trù đi liền với nhau: Chủ thể - đối tượng; mục đích - kết quả; nội dung - hình thức; phương pháp - phương tiện. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như:

nguyên tắc, kinh nghiệm, khẩu hiệu, phương châm, triết lý giáo dục ... Hoạt động GDPL trong QĐNDVN chỉ có chất lượng cao khi được thực hiện trên cơ sở nắm vững các yếu tố cấu thành cơ bản như trên.

### **2.3. Sự cần thiết tăng cường giáo dục pháp luật và vai trò của giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

#### ***2.3.1. Sự cần thiết phải tăng cường giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam***

Tăng cường GDPL trong QĐNDVN, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp GDPL là một hoạt động cần thiết nhằm xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Điều này xuất phát từ những lý do như sau:

- Bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế đòi hỏi công tác GDPL trong QĐNDVN cần tăng cường hơn nữa.

- Những thành tựu của kỷ nguyên kỹ thuật số đòi hỏi GDPL trong QĐNDVN phải đổi mới một cách căn bản, toàn diện.

- Những thành công bước đầu của mô hình Ngày pháp luật hàng tháng cho phép Quân đội từng bước chuẩn hóa và tăng cường GDPL cho CBCS để đáp ứng tốt hơn với nhiệm vụ mới của Quân đội được quy định trong Hiến pháp 2013 và yêu cầu của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

#### ***2.3.2. Vai trò của giáo dục pháp luật trong Quân đội***

Vai trò của GDPL bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật trong nhà nước pháp quyền. Nếu như pháp luật là phương tiện quan trọng nhất để Nhà nước quản lý xã hội, để công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thì GDPL giúp cho Nhà nước và công dân biết cách sử dụng phương tiện đó thế nào cho hiệu quả nhất. Trong Quân đội,

GDPL có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao tri thức pháp luật, bồi đắp tình cảm và hành vi pháp luật đúng đắn cho CBCS. GDPL không chỉ có giá trị cần thiết trước mắt mà còn có giá trị lâu dài. Bởi vì, rất nhiều quân nhân, sau khi xuất ngũ trở về địa phương được đề cử vào các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước. Kiến thức pháp luật được trang bị một cách bài bản trong Quân đội có ý nghĩa rất lớn trong công tác của họ khi làm nhiệm vụ trong quân đội và khi xuất ngũ về địa phương. Mặt khác, hoạt động GDPL với những tình huống pháp luật gay gắt, những tiểu phẩm vui nhộn hay những cuộc thi pháp luật sôi nổi sẽ làm cho hoạt động quân sự của CBCS nơi biên giới, hải đảo bớt trống vắng hơn.

#### **2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Tăng cường GDPL trong QĐNDVN là đòi hỏi tất yếu của nhiệm vụ xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. GDPL trong QĐNDVN thời gian tới sẽ chịu sự tác động ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau, trong đó có các yếu tố tác động chung của toàn xã hội, có yếu tố tác động riêng, đặc thù trong điều kiện quân đội. Các yếu tố này vừa có tác động tích cực và tiêu cực đến công tác GDPL trong QĐNDVN. Nghiên cứu các yếu tố này làm hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực, đồng thời thúc đẩy các yếu tố tích cực nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác GDPL trong QĐNDVN. Xét tổng quát, có thể xác định các yếu tố ảnh hưởng đến GDPL trong QĐNDVN như sau:

- Ý thức trách nhiệm của chủ thể và đối tượng GDPL;
- Năng lực tổ chức, thực hiện, trình độ của chủ thể GDPL;
- Trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận kiến thức của CBCS;

- Diễn biến phức tạp về quốc phòng, an ninh trong khu vực và trên thế giới;

- Sự phát triển nhanh chóng của hoạt động lập pháp ở nước ta sau khi Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 2013;

- Những yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta.

- Những yêu cầu xuất phát từ một xã hội dân chủ, pháp quyền;

- Kinh phí bảo đảm, cơ chế phối hợp thực hiện GDPL chưa tốt.

### **2.5. Giáo dục pháp luật trong quân đội một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Quân đội của các nước như Anh, Ôxtralia, Mỹ, Nga, Trung Quốc thường có lực lượng pháp lý quân sự (military lawyer) được tổ chức ở các sư đoàn để tham mưu cho người chỉ huy các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động quản trị hành chính, kỷ luật, tham gia tố tụng trước tòa để bảo vệ quyền lợi của đơn vị, quân nhân và gia đình của họ. Mỗi nước khác nhau có cách đào tạo, quản lý, sử dụng đội ngũ sỹ quan pháp lý khác nhau. Các nước đều có cách đào tạo, sử dụng đội ngũ luật sư quân sự rất chuyên nghiệp. Trong đó, quân đội Trung Quốc rất quan tâm đến giáo dục luật nhân đạo quốc tế. Các điều ước của luật nhân đạo quốc tế đã đưa vào chương trình giáo dục của quân đội.

Từ thực tiễn GDPL của quân đội một số nước trên thế giới, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho QĐNDVN đó là:

*Thứ nhất*, cần tổ chức đào tạo khẩn trương đội ngũ cán bộ pháp luật chuyên nghiệp (military lawyer) cho Quân đội. Các sỹ quan này sẽ đảm nhiệm chức năng tư vấn pháp luật quân sự cho người chỉ huy và tham gia tố tụng tại tòa án nhằm bảo vệ quyền lợi cho đơn vị và quân nhân khi có nhu cầu.

*Thứ hai*, nghiên cứu xây dựng trung tâm pháp luật quân sự với chức năng đào tạo cán bộ pháp lý cho các đơn vị theo hướng chuyên nghiệp hóa.



*Thứ ba*, cần có nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc giáo dục luật quốc tế trong quân đội, xem đó là yêu cầu không thể thiếu với một quân đội chính quy trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

*Thứ tư*, cần đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp GDPL, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL cho CBCS trong QĐNDVN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

*Thứ năm*, chủ động hợp tác và tranh thủ sự giúp đỡ của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế cũng như các trung tâm pháp lý quân sự của các nước trong việc GDPL cho CBCS trong QĐNDVN.

### **Kết luận chương 2**

Nghiên cứu lý luận về GDPL trong QĐNDVN là một việc làm rất cần thiết để làm sáng tỏ cơ sở khoa học cho việc triển khai thực hiện GDPL trong QĐNDVN. GDPL vừa được xem xét dưới góc độ lý luận của giáo dục học, vừa được xem xét dưới góc độ pháp lý trong môi trường đặc thù của QĐNDVN.

Chương 2 của luận án đã khái quát và phân tích những vấn đề lý luận về GDPL trong QĐNDVN. Hoạt động này liên quan chặt chẽ với giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và việc duy trì kỷ luật ở các đơn vị. GDPL trong QĐNDVN được tiến hành trong môi trường xã hội đặc biệt, do các chủ thể đặc biệt thực hiện với đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp, môi trường đặc thù của Quân đội. Đó là môi trường làm việc căng thẳng, nặng nhọc với kỷ luật chặt chẽ, thống nhất, nghiêm minh.

Bên cạnh nội dung GDPL giống như các cơ quan dân sự, GDPL trong QĐNDVN còn chú trọng nội dung giáo dục luật quốc tế cho CBCS nhằm đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ mới của Quân đội. Trong đó, tác giả tham khảo kinh nghiệm GDPL trong quân đội của một số nước trên thế giới như: Anh, Ôxtralia, Mỹ, Nga, Trung Quốc.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

### **3.1. Cơ cấu tổ chức, và phương thức giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của QĐNDVN bao gồm 6 tổng cục, 7 quân khu (Bộ đội địa phương), 4 quân đoàn (Bộ đội chủ lực), 6 binh chủng, 2 quân chủng và bộ đội Biên phòng. Ngoài ra còn có Cảnh sát biển, các viện nghiên cứu, các cục chức năng, các đơn vị kinh tế, các học viện, nhà trường quân đội. Mặc dù đóng quân ở các vùng miền khác nhau trên cả nước, nhưng nhìn chung các đơn vị quân đội thường bao gồm các cơ quan chỉ huy tham mưu, cơ quan chính trị, hậu cần, kỹ thuật và một số cơ quan chức năng khác. Trong đó, cơ quan chính trị là cơ quan có trách nhiệm chính trong tổ chức thực hiện công tác GDPL ở các đơn vị hiện nay.

Nhận thức được vai trò quan trọng của GDPL, trong thời gian qua, Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã có nhiều đổi mới về phương thức hoạt động GDPL. Điều này thể hiện qua việc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chỉ thị, thông tư về PBGDPL cho CBCS trong toàn quân. Các cơ quan chức năng của Bộ (Vụ Pháp chế, Hội đồng phổ biến, GDPL Bộ Quốc phòng) thường xuyên theo dõi, nghiên cứu và có những kiến nghị sửa đổi, bổ sung chương trình, nội dung GDPL để phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn phát triển của quân đội. Hoạt động GDPL trong QĐNDVN gồm rất nhiều nội dung, trong đó được chia thành 2 mảng hoạt động chủ yếu: GDPL theo chương trình chính khóa đối với các nhà trường quân đội và GDPL mang tính ngoại khóa đối với tất cả các đơn vị kể cả các nhà trường quân đội. Các nội dung này đều mang tính bắt buộc và tuân theo hướng dẫn, chỉ đạo thống nhất của Bộ Quốc phòng.

### **3.2. Thực tiễn triển khai giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam (10 năm gần đây)**

Kết quả nghiên cứu của NCS được thực hiện qua 8 cuộc khảo sát với 800 CBCS của 8 đơn vị quân đội cho thấy, hoạt động GDPL đã đóng vai trò cốt yếu trong việc nâng cao hiểu biết pháp luật, làm thay đổi nhận thức, hành vi pháp lý của CBCS. Mặc dù còn tồn tại một số hạn chế nhất định, nhưng GDPL trong QĐNDVN đã có được những chuyển biến tích cực cả về đối tượng, chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện vật chất bảo đảm và kết quả cụ thể. Trong đó nổi bật là sự chuyển biến về số lượng các vụ việc vi phạm pháp luật từ năm 2003 đến 2014 giảm xuống còn 0,3 %, số vụ án hình sự giảm từ 303 vụ một năm (năm 2005) xuống còn 111 vụ năm 2015. Hoạt động GDPL qua mô hình Ngày pháp luật hàng tháng đã được các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh. Hình thức, phương pháp, phương tiện GDPL đã từng bước đổi mới, đáp ứng tốt hơn với sự phát triển của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Có được các kết quả nêu trên là do các nguyên nhân sau:

*Một là*, GDPL đã và đang là hoạt động được Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm trong thời gian qua nhằm mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

*Hai là*, sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của Tổng Cục Chính trị, cơ quan chính trị của các đơn vị.

*Ba là*, sự quyết tâm chỉ đạo và điều hành của Hội đồng Phối hợp PBGDPL trong toàn quân.

*Bốn là*, sự cố gắng của các GVPL, BCVPL và TTVPL của các đơn vị trong toàn quân.

*Năm là*, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã tạo ra những thuận lợi lớn cho hoạt động GDPL trong Quân đội.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhưng sau hơn 30 năm thực hiện GDPL bắt buộc trong các nhà trường quân đội, kể từ khi Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 1114 năm 1983, có thể thấy hoạt động GDPL trong QĐNDVN vẫn còn nhiều hạn chế. Xét tổng quát, hoạt động GDPL trong QĐNDVN hiện vẫn còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Nhiều đơn vị còn lúng túng về nội dung chương trình, hình thức, phương pháp GDPL, chủ thể GDPL còn thiếu và chưa đạt chuẩn.

Sở dĩ hoạt động GDPL trong QĐNDVN chưa đạt được kết quả như mục tiêu đề ra là do các nguyên nhân chủ yếu như sau:

*Một là*, mặc dù đã được tiến hành gần 10 năm, nhưng chưa có tổng kết, rút kinh nghiệm về mô hình tổ chức *Ngày pháp luật* hàng tháng trong toàn quân.

*Hai là*, giáo viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật còn thiếu và chưa được chuẩn hóa theo quy định của Luật Phổ biến, GDPL và thông tư số 42 của Bộ Quốc phòng năm 2016.

*Ba là*, chưa phát huy được vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến GDPL ở các đơn vị trong toàn quân.

*Bốn là*, chế độ, chính sách cho GDPL chưa cụ thể rõ ràng.

*Năm là*, công tác GDPL ở một số đơn vị chưa được cấp uỷ, chỉ huy quan tâm thích đáng.

*Sáu là*, chưa xác định rõ mục tiêu đào tạo kiến thức pháp luật cho CBCS trong khối kiến thức chung ở các nhà trường quân đội.

*Bảy là*, chưa phát huy hết vai trò của tổ chức quần chúng trong GDPL.

### **3.3. Những bài học kinh nghiệm và yêu cầu đặt ra từ thực tiễn triển khai hoạt động giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Qua nghiên cứu lý luận và thực trạng GDPL trong QĐNDVN 10 năm gần đây có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho công tác này như sau:

*Một là*, việc quán triệt nâng cao nhận thức của CBCS, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của các đơn vị về vai trò của pháp luật và GDPL có ý nghĩa tiên đề.

*Hai là*, việc chuẩn hóa và nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật có ý nghĩa cấp thiết.

*Ba là*, việc đổi mới căn bản và toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp GDPL là một yêu cầu rất quan trọng.

*Bốn là*, chính sách đãi ngộ phù hợp cho cán bộ làm công tác GDPL trong Quân đội có tác động lớn đến chất lượng hoạt động này.

*Năm là*, cơ sở vật chất, tài liệu học tập là điều kiện bảo đảm cần thiết cho việc tăng cường GDPL trong Quân đội.

*Sáu là*, việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động GDPL hàng quý, hàng năm có ý nghĩa lớn cả về lý luận và thực tiễn.

Qua nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác GDPL của Quân đội, có thể thấy một số yêu cầu đặt ra cần giải quyết như sau:

- Yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi phải tăng cường và bảo đảm chất lượng GDPL cho CBCS ngày càng cao trong bối cảnh nguồn nhân lực, vật chất bảo đảm còn hạn chế.

- Yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi phải tăng cường và bảo đảm chất lượng GDPL cho CBCS ngày càng cao trong khi đội ngũ BCVPL và TTVPL thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ.

- Yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa mặt bằng trình độ học vấn khác nhau của các nhóm đối tượng GDPL với nội dung bắt buộc, thời gian GDPL giống nhau.

### **Kết luận chương 3**

Chương 3 đánh giá thực trạng GDPL trong QĐNDVN kể từ khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 32 năm 2003 đến nay. Kết quả nghiên cứu chương này cho thấy, công tác GDPL trong QĐNDVN những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hoạt động GDPL trong các đơn vị quân đội đã được duy trì thường xuyên, với những nội dung luôn được cập nhật. GDPL trong các nhà trường quân đội ngày càng được chú trọng. Hình thức, phương pháp, phương tiện GDPL đã và đang tiếp tục được đổi mới. Mặc dù vậy, chất lượng GDPL trong các đơn vị quân đội còn chưa cao, chưa tương xứng vị trí “Tối thượng” của pháp luật trong nhà nước pháp quyền và nhiệm vụ quốc tế của QĐNDVN. Cụ thể, nội dung giáo dục còn chưa chú trọng đến kiến thức của một số ngành luật quốc tế quan trọng với quân đội; hình thức, phương pháp còn đơn điệu; chủ thể chưa chuẩn hóa, cơ sở vật chất chưa bảo đảm.

### **Chương 4**

## **QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

### **4.1. Quan điểm tăng cường giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Để tăng cường GDPL trong bối cảnh nhà nước pháp quyền và thực hiện nhiệm vụ quốc tế của QĐNDVN, hoạt động này cần được thực hiện trên cơ sở quán triệt các tư tưởng chủ đạo sau đây:

- Hoạt động GDPL trong QĐNDVN phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Quân ủy trung ương, cấp ủy Đảng của các đơn vị trong toàn quân.

- Giáo dục pháp luật là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị trong toàn quân.

- Mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện vật chất bảo đảm cho hoạt động GDPL trong Quân đội cần phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang và với từng nhóm đối tượng GDPL.

- Cần kết hợp chặt chẽ GDPL với giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, lối sống và rèn luyện kỹ luật của quân nhân.

#### **4.2. Giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay**

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29 khóa XI và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật của CBCS, xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động GDPL trong QĐNDVN hơn 10 năm qua, theo kinh nghiệm GDPL của một số nước trên thế giới, để tăng cường công tác này trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ, kịp thời các nhóm giải pháp sau đây:

- Nâng cao nhận thức của CBCS về vai trò của GDPL trong QĐNDVN;

- Nhóm giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp luật;

- Nhóm giải pháp về tổ chức, nguồn nhân lực, vật lực cho công tác GDPL trong QĐNDVN;

- Nhóm giải pháp đổi mới nội dung chương trình, hình thức, phương pháp GDPL trong QĐNDVN;

- Tăng cường giảng dạy pháp luật trong các trường quân đội;

- Chuẩn hóa chất lượng GDPL bằng các tiêu chí cụ thể (giải pháp đột phá).

### **Kết luận chương 4**

Trên cơ sở tiếp thu những thành tựu của GDPL ở trong và ngoài nước trong chương 1 kết hợp những vấn đề lý luận và thực tiễn ở chương 2 và chương 3, trong chương 4 NCS đã đề xuất 4 quan điểm và 6 nhóm giải pháp tăng cường GDPL trong QĐNDVN.

Những quan điểm, giải pháp trong chương này bao trùm tất cả các phương diện từ nhận thức đến nội dung, hình thức, phương pháp cũng như việc bảo đảm về tổ chức cán bộ và điều kiện vật chất cho việc nâng cao chất lượng GDPL trong toàn quân.



## KẾT LUẬN

Nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng GDPL trong QĐNDVN là một việc làm cần thiết và quan trọng để làm sáng tỏ cơ sở khoa học cho việc triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ và Bộ Quốc phòng về tăng cường GDPL trong QĐNDVN.

Để thực hiện nhiệm vụ mới theo Hiến pháp 2013 và lời thề thứ 5 thiêng liêng của quân nhân trong QĐNDVN, Bộ Quốc phòng cần chuẩn hóa và từng bước tăng cường GDPL cho CBCS trong toàn quân. Việc đổi mới theo hướng chuẩn hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động GDPL trong Quân đội nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

GDPL trong QĐNDVN là một hoạt động độc lập tương đối có mục đích, nội dung, hình thức, phương pháp, chủ thể và đối tượng đặc thù riêng. Tính đặc thù này do chức năng, nhiệm vụ đặc biệt của quân đội quy định. GDPL trong QĐNDVN liên quan chặt chẽ với giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, với duy trì kỷ luật ở các đơn vị. Chất lượng giáo dục pháp luật gắn liền với kết quả giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và rèn luyện kỷ luật của đơn vị.

GDPL trong QĐNDVN gồm 2 mảng chính: Giảng dạy pháp luật trong các nhà trường quân đội và GDPL thông qua mô hình Ngày pháp luật hàng tháng được thực hiện ở tất cả các đơn vị trong toàn quân. GDPL trong QĐNDVN cần được xây dựng và thực hiện trên cơ sở hai mảng công tác này về chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp và cơ sở vật chất bảo đảm.

Trong những năm qua, các đơn vị trong toàn quân đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức GDPL và đã thu được những kết quả nhất định, chất lượng GDPL ngày càng được nâng cao, góp phần làm giảm vi phạm pháp luật và tội phạm trong toàn quân, nâng cao ý thức pháp luật cho CBCS,

góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện. Tuy nhiên, GDPL trong Quân đội hiện vẫn chưa tính đến những thay đổi về nhiệm vụ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chưa thực sự chuẩn hóa chủ thể, đối tượng, nội dung và hình thức giáo dục.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, việc tăng cường GDPL trong QĐNDVN là một đòi hỏi cấp thiết, khách quan. Công việc này cần phải được thực hiện trên tất cả các mặt từ nhận thức đến nội dung, hình thức, phương pháp, mục tiêu, kết quả cũng như việc bảo đảm về tổ chức cán bộ và vật chất bảo đảm. Tăng cường GDPL trong QĐNDVN trong những năm tới cần được tiến hành theo các hướng chính sau đây:

- Làm cho mỗi cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị cũng như mỗi CBCS nhận thức được vai trò của GDPL; coi đó là nội dung học tập quan trọng để từ đó tự giác, tích cực tham gia công tác này;

- Chuẩn hóa chương trình, nội dung, hình thức và phương pháp GDPL theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng. Công nghệ hóa nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục pháp luật nhằm đảm bảo sự thống nhất về chất lượng trong toàn quân;

- Tăng cường công tác tổ chức cán bộ và bảo đảm vật chất cho GDPL. Xây dựng đội ngũ giáo viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng. Đưa hoạt động của các Hội đồng Phối hợp PBGDPL đi vào nề nếp, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức đoàn thể và bảo đảm vật chất cho hoạt động này ở các đơn vị trong toàn quân.

- Nghiên cứu đề án xây dựng trung tâm pháp luật quân sự nhằm đào tạo các chuyên gia pháp lý cho Bộ Quốc phòng, qua đó từng bước chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa GDPL trong QĐNDVN./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH**  
**TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. *Vận dụng phương pháp xử lý tình huống vào giảng dạy pháp luật ở Trường Đại học Trần Đại Nghĩa*, Tạp chí Công thương số 9, tháng 8 năm 2017, trang 70 đến 75.

2. *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục và xã hội, Số Đặc biệt, tháng 8 năm 2017, trang 286 đến trang 293.

3. *Mấy giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong Quân đội hiện nay*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân số 1/2018, trang 114 đến trang 116.